FireAnt

CTCP Hồng Hà Việt Nam (UPCOM: PHH)

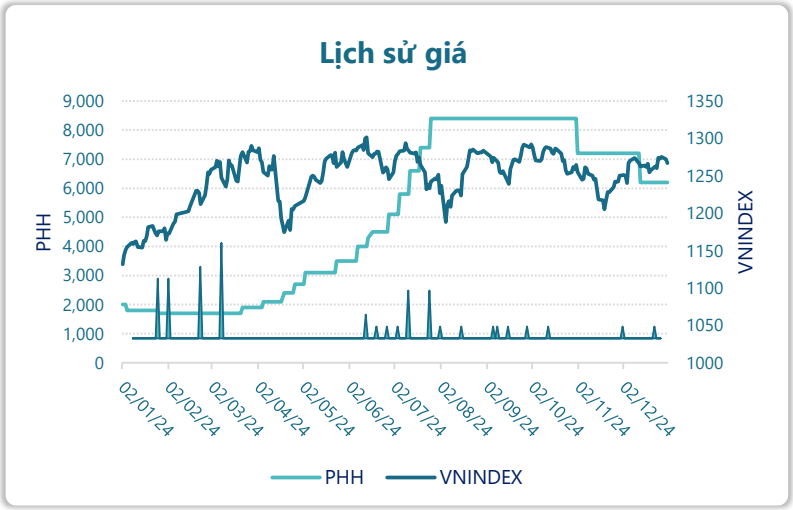

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	18,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
P/E	-46.4
EPS	-133

DT thuần

Q4/24

0.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.02| -8.3%

YoY: ▼2.38| -92.2%

LN sau thuế

Q4/24

0.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.13| 642%

YoY: ▼1.98| -93.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-285%

+/- YoY: ▼ 332%

DT thuần

2024

0.85

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.19| -83.2%

LN sau thuế

2024

-2.42

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.73| -205%

ROE

2024

-1.1%

+/- YoY: ▼ 2.1%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

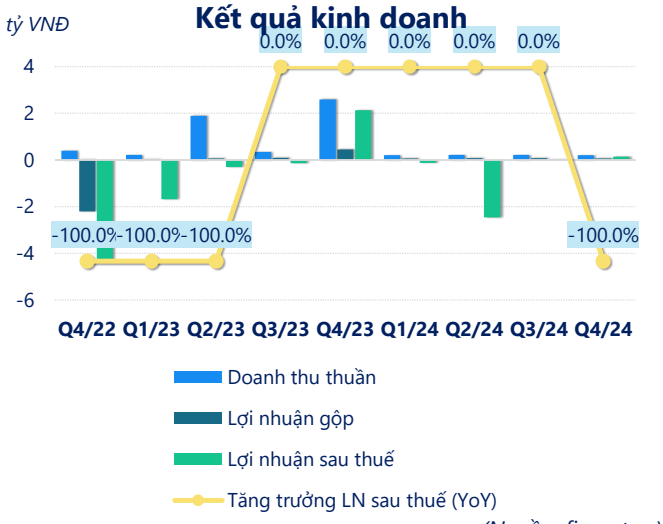

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

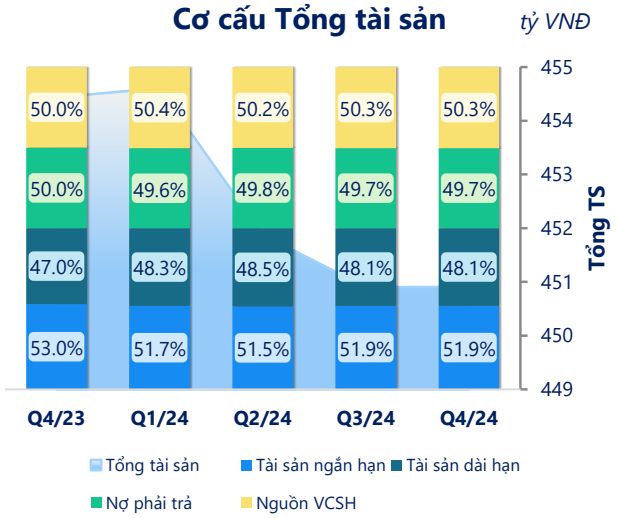

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

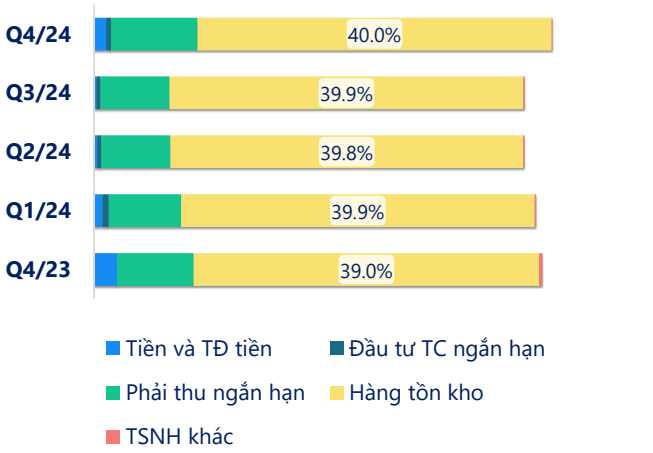

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

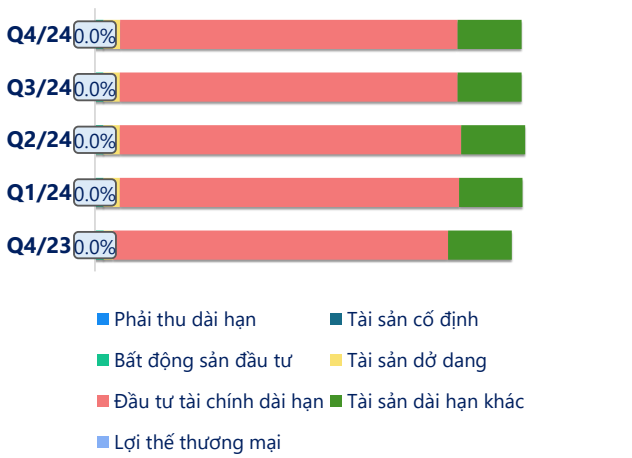

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

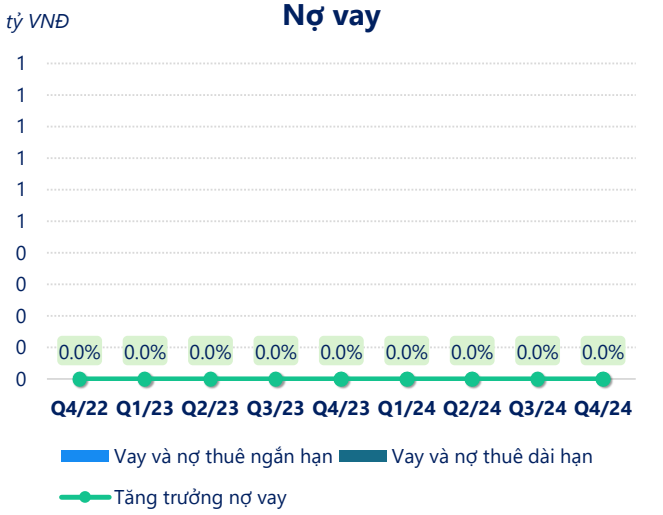

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

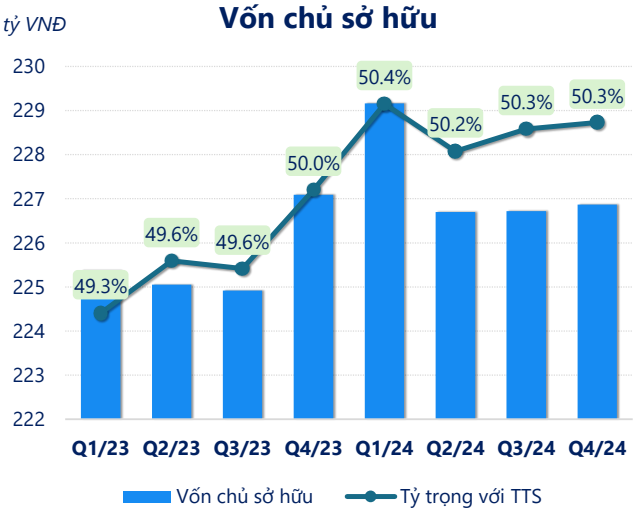

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

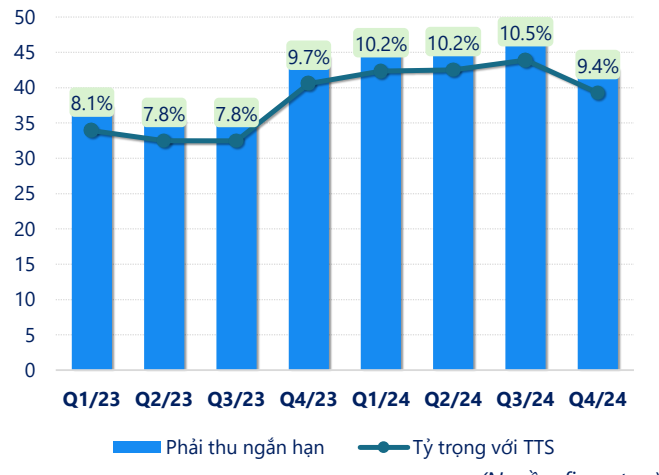

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

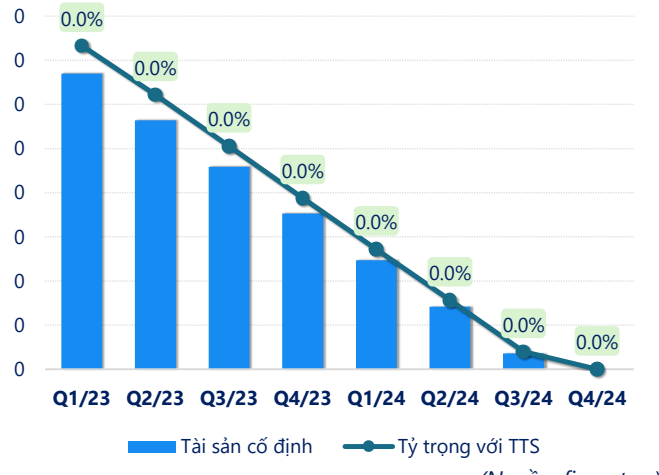

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

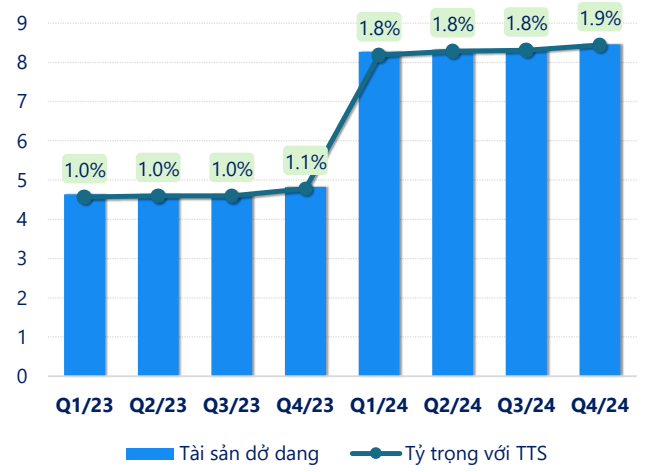

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

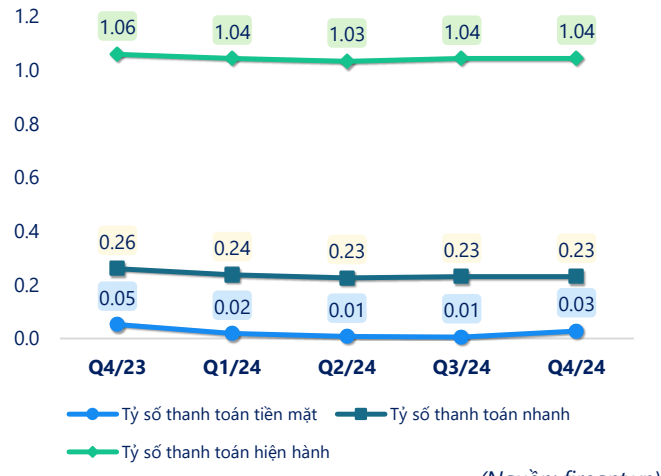

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

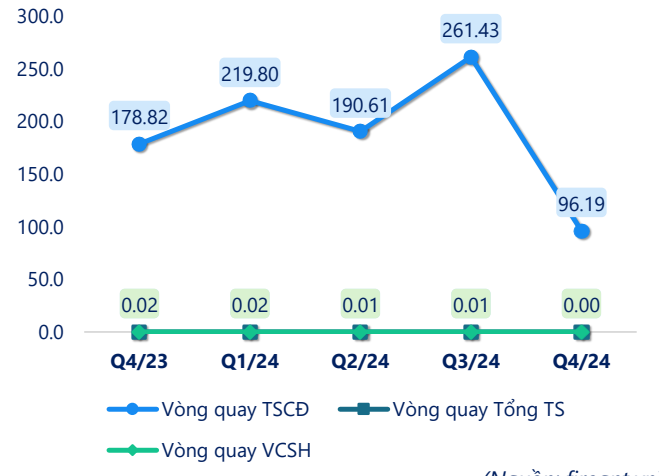

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**454**	**455**	**452**	**451**	**451**
Tài sản ngắn hạn	**241**	**235**	**233**	**234**	**234**
Tiền và tương đương tiền	11.8	4.12	1.66	1.19	6.14
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.60	2.60	2.64	2.64	2.69
Phải thu ngắn hạn	44.2	46.2	46.1	47.5	42.5
Hàng tồn kho	182	182	182	182	182
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.46	0.45	0.46	0.45
Tài sản dài hạn	**214**	**219**	**219**	**217**	**217**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.02	0.01	0.01	0.00	0
Bất động sản đầu tư	4.45	4.42	4.39	4.37	4.34
Tài sản dở dang	4.83	8.27	8.32	8.32	8.46
Đầu tư tài chính dài hạn	172	174	174	172	172
Tài sản dài hạn khác	32.6	32.6	32.6	32.6	32.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**227**	**225**	**225**	**224**	**224**
Nợ ngắn hạn	**227**	**225**	**225**	**224**	**224**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	49.3	47.5	47.0	47.1	46.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**227**	**229**	**227**	**227**	**227**
Vốn chủ sở hữu	**227**	**229**	**227**	**227**	**227**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)